

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HƯNG YÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *2321*/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày *02* tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ân Thi
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý và phân công nhiệm vụ về lĩnh vực quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 3131/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ân Thi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Công văn số 987-CV/VPTU ngày 30/9/2020 của Văn phòng Tỉnh ủy thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đồ án Quy hoạch vùng huyện Ân Thi;

Căn cứ ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 18/8/2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 228/BCTĐ-SXD ngày 30/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ân Thi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ân Thi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Chủ đầu tư lập quy hoạch: UBND huyện Ân Thi.

3. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch

Phạm vi lập quy hoạch gồm toàn bộ diện tích tự nhiên theo địa giới hành chính của huyện Ân Thi, với tổng diện tích tự nhiên khoảng 12.998,19ha. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Yên Mỹ và thị xã Mỹ Hòa.
- Phía Nam giáp huyện Phù Cừ và huyện Tiên Lữ.
- Phía Đông giáp huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
- Phía Tây giáp huyện Khoái Châu và huyện Kim Động.

4. Mục tiêu Đồ án

- Cụ thể hóa Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các kế hoạch phát triển của huyện Ân Thi đến năm 2020; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030.

- Khai thác triệt để các tiềm năng lợi thế của huyện Ân Thi, sử dụng có hiệu quả đất đai và hệ thống cơ sở hạ tầng đã có; rà soát, cập nhật các khu vực đã được điều chỉnh quy hoạch, khớp nối với các đồ án quy hoạch có liên quan

- Làm cơ sở để triển khai lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, quy hoạch xây dựng nông thôn và quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng. Xây dựng các chương trình phát triển đô thị.

5. Quy mô dân số và tỷ lệ đô thị hóa toàn huyện

- Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng 12.998,19ha.
- Dân số hiện trạng khoảng 134.403 người; dự báo đến năm 2030 khoảng 181.100 người. Dự báo đến năm 2050 khoảng 264.500 người.
- Tỷ lệ đô thị hóa năm 2019 khoảng 7,03%; dự báo đến năm 2030 khoảng 34,0%; dự báo đến năm 2050 khoảng 41,0%.

6. Định hướng phát triển tổng thể không gian vùng

Tổ chức không gian vùng huyện theo mô hình phát triển đa cực, trong đó lấy đô thị trung tâm thị trấn Ân Thi làm hạt nhân phát triển, kết nối và lan tỏa ra các không gian xung quanh. Không gian vùng huyện Ân Thi được phân làm 3 tiểu vùng không gian chính:

a) Tiểu vùng không gian phía Bắc: Là không gian phía Bắc đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, gồm các xã: Phù Ủng, Bắc Sơn và một phần các xã: Vân Du, Đào Dương, Tân Phúc, Bãi Sậy.

- Tổng diện tích tự nhiên của vùng là 2.938,78ha.

- Định hướng phát triển: Tập trung phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề với các ngành nghề công nghiệp về cơ khí chế tạo, thiết bị điện tử viễn thông, công nghệ thông tin, thủ công mỹ nghệ, nghề truyền thống, dịch vụ công nghiệp, may mặc,...

b) Tiểu vùng không gian trung tâm huyện: Là không gian phía Nam đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và phía Bắc sông Bình Trì, gồm thị trấn Ân Thi và các xã: Xuân Trúc, Vân Du, Quang Vinh, Quảng Lãng, Đặng Lễ và một phần các xã: Cẩm Ninh, Hoàng Hoa Thám, Tân Phúc, Đào Dương.

- Tổng diện tích tự nhiên của vùng là 5.051,09ha.

- Định hướng phát triển: Phát triển đô thị và công nghiệp tập trung có trình độ, công nghệ sản xuất cao không gây ô nhiễm môi trường. Phát triển một số tiểu khu du lịch dịch vụ, vui chơi giải trí và không gian nghỉ dưỡng tái tạo sức lao động phục vụ cư dân địa phương và du khách.

c) Tiểu vùng không gian phía Nam: Là không gian phía Nam sông Bình Trì bao gồm các xã: Hồng Quang, Hồng Vân, Hạ Lễ, Tiên Phong, Đa Lộc, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Trãi, Văn Nhuệ và một phần các xã: Hoàng Hoa Thám, Cẩm Ninh.

- Tổng diện tích tự nhiên của vùng là 5.008,32ha.

- Định hướng phát triển: Phát triển dịch vụ thương mại kết hợp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Ngoài ra, phát triển các cụm công nghiệp, ngành nghề thủ công mỹ nghệ, nghề truyền thống, dịch vụ công nghiệp.

7. Cấu trúc phát triển không gian vùng

- Cấu trúc phát triển không gian huyện Ân Thi là cấu trúc đa cực, trong đó ngoài cực trung tâm, huyện sẽ phát triển thêm các cực mới nhằm thúc đẩy phát triển các khu vực trong toàn huyện theo vị thế và tiềm năng:

+ Cực trung tâm huyện: Phát triển trên cơ sở thị trấn Ân Thi và khu vực trung tâm huyện. Tính chất là cực đô thị dịch vụ, công nghiệp.

+ Cực Phù Ủng (phía Bắc huyện): Phát triển trên cơ sở lợi thế tuyến đường Quốc lộ 38 và lợi thế phát triển du lịch đền Phù Ủng. Tính chất là cực đô thị công nghiệp, du lịch.

+ Cực Tân Phúc (phía Đông Bắc huyện): Phát triển trên cơ sở lợi thế của đô thị Tân Phúc và nút giao Tân Phúc (nút giao giữa đường tỉnh ĐT.387 với cao tốc Hà Nội - Hải Phòng). Tính chất là cực đô thị công nghiệp, dịch vụ.

+ Cục Hồng Quang (phía Nam huyện): Phát triển trên cơ sở lợi thế giao thông của đường ĐT.376, đường ĐT.377 và định hướng quy hoạch phát triển khu công nghiệp Industrial park Tiên Lữ - Kim Động - Ân Thi. Tính chất là cực đô thị công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao.

8. Định hướng phát triển khu vực đô thị và khu vực nông thôn

a) Định hướng phát triển khu vực đô thị

- Thị trấn Ân Thi: Là đô thị loại V. Tại khu vực thị trấn Ân Thi và mở rộng một phần diện tích về phía Bắc khu vực các xã: Quang Vinh, Hoàng Hoa Thám. Quy mô đất đô thị khoảng 840 ha. Quy mô dân số: 39.000 người vào năm 2030 và 77.800 người vào năm 2050.

Tính chất: Là đô thị trung tâm huyện Ân Thi, trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục của huyện Ân Thi. Trung tâm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại và chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ vùng huyện Ân Thi.

- Đô thị Hồng Quang: Định hướng là đô thị loại V. Tại khu vực phía Bắc xã Hồng Quang và một phần diện tích về phía Đông khu vực xã Hạ Lễ. Quy mô đất đô thị khoảng 260 ha. Quy mô dân số: 11.500 người vào năm 2030 và 15.000 người vào năm 2050.

Tính chất: Phát triển thành đô thị gắn với trung tâm thương mại dịch vụ cấp khu vực. Cung cấp dịch vụ đô thị, hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao cho các xã tiêu vùng không gian phía Nam huyện Ân Thi. Đặc biệt, cung cấp cho khu công nghiệp Industrial park Tiên Lữ - Kim Động - Ân Thi.

- Đô thị Tân Phúc: Định hướng là đô thị loại V. Quy mô đất đô thị khoảng 410 ha. Quy mô dân số: 11.062 người vào năm 2030 và 16.500 người vào năm 2050.

Tính chất: Phát triển thành đô thị gắn với trung tâm thương mại dịch vụ cấp khu vực. Cung cấp dịch vụ đô thị, hỗ trợ phát triển cho toàn khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phía Nam vùng huyện Ân Thi và phía Bắc vùng huyện Phù Cừ.

- Đô thị Phù Ủng: Định hướng là đô thị loại V. Quy mô đất đô thị khoảng 290 ha Quy mô dân số: 5.910 người vào năm 2030 và 8.070 người vào năm 2050.

Tính chất: Phát triển thành trung tâm đô thị, công nghiệp, du lịch cấp khu vực. Cung cấp dịch vụ đô thị, du lịch, hỗ trợ phát triển cho toàn khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phía Bắc vùng Ân Thi và khách du lịch đến điểm du lịch đền Phù Ủng.

b) Định hướng phát triển khu vực nông thôn

- Hệ thống điểm dân cư nông thôn trên địa bàn huyện Ân Thi gồm các xã: Tân Phúc, Hồng Quang (đã được công nhận đô thị loại V) và 18 xã, cụ thể: Bắc Sơn, Bãi Sậy, Cẩm Ninh, Đa Lộc, Đặng Lễ, Đào Dương, Hạ Lễ, Hồ Tùng Mậu, Hoàng Hoa Thám, Hồng Vân, Nguyễn Trãi, Phù Ủng, Quảng Lãng, Quang Vinh, Tiên Phong, Vân Du, Văn Nhuệ, Xuân Trúc.

- Tổng diện tích đất ở nông thôn trên địa bàn huyện đạt khoảng 1.192 ha đến năm 2030 và đạt 1.892 ha vào năm 2050.

- Phát triển các điểm dân cư nông thôn theo định hướng quy hoạch nông thôn mới, tập trung phát triển theo chiều sâu và theo chuyên môn hóa gắn với các khu vực kinh tế. Trong đó, các điểm trung tâm phát triển là các thị tứ, các điểm dân cư nông thôn đổi mới gắn với các trung tâm dịch vụ hoặc phát triển theo tính chất chuyên ngành (như: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch), các điểm dân cư thuận lợi tiếp cận với các đầu mối giao thông, đầu mối thương mại, dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

9. Định hướng quy hoạch hệ thống giao thông

a) Giao thông đối ngoại

Phát triển hệ thống giao thông đối ngoại bằng đường bộ trên cơ sở nâng cấp các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, các tuyến giao thông liên vùng theo các dự án đã và đang thực hiện.

- Giao thông đối ngoại gồm:

+ Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình; Quốc lộ 38, Quốc lộ 38 mới; đường nối Vành đai V vùng thủ đô Hà Nội với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Quốc lộ 21 đi tỉnh Nam Định.

- Các tuyến đường tỉnh: ĐT.376, ĐT.377, ĐT.382, ĐT.384, ĐT.386, ĐT.387, ĐT.382B, ĐT.386B.

- Các tuyến đường huyện: ĐH.60, ĐH.61, ĐH.62, ĐH.63, ĐH.64, ĐH.65.

b) Giao thông đối nội

- Quy hoạch mới các tuyến đường giao thông kết nối các cực phát triển bao gồm: Tuyến đường vành đai thị trấn Ân Thi kết nối từ đường Quốc lộ 38A và đường ĐT.376 (QHM-02); tuyến đường trục Bắc - Nam kết nối đường ĐT.376 đi huyện Tiên Lữ (QHM-04); tuyến đường trục Đông - Tây kết nối đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình với đường QHM11 (QHM-03), có mặt cắt ngang rộng 66m, bao gồm: Lòng đường rộng 21,0m; dải phân cách giữa rộng 2,0m; vỉa hè rộng 2x5m, hành lang đường 33,0m (đoạn qua đô thị không có hành lang).

- Đường giao thông đô thị:

+ Đường trục chính đô thị: Bao gồm các tuyến xuyên tâm, liên kết các cực phát triển của các đô thị. Mặt cắt đường được thiết kế quy mô gồm 4 - 6 làn xe chạy, dải phân cách giữa rộng 3m - 8m, vỉa hè rộng từ 5m - 12m.

+ Đường khu vực: Có vai trò kết nối giao thông giữa các khu chức năng với các đường trục chính đô thị. Đường khu vực được thiết kế với các mặt cắt từ 17,5m - 24m.

c) Đường sắt: Phát triển tuyến đường sắt nội tỉnh theo quy hoạch định hướng của Quy hoạch giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030.

d) Đường thủy

- Tuyến kênh đào Bắc Hưng Hải: Là tuyến vận tải đường thủy nội tỉnh có thể lưu thông với các tỉnh Hải Dương, Hải Phòng. Đề xuất cải tạo, nạo vét luồng lạch, nâng cấp kỹ thuật toàn tuyến đạt tiêu chuẩn sông cấp IV, đảm bảo tải trọng cho tàu 200 tấn có thể lưu thông, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa của khu vực.

- Khôi thông, nạo vét các tuyến sông khác trong khu vực và vùng phụ cận như: Sông Chanh, sông Cửu An, Sông Bình Trì... đảm bảo cho các phương tiện trọng tải nhỏ đi lại, phục vụ mục đích du lịch, giải trí và sản xuất.

- Giữ nguyên 03 bến thủy nội địa theo định hướng của Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể giao thông vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030.

e) Công trình đầu mối giao thông

- Bến xe: Giữ nguyên quy mô và sức chứa của bến xe khách Ân Thi diện tích 0,7ha theo quy hoạch tổng thể GTVT tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2011 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030. Dự kiến bố trí thêm 1 bến xe quy mô 4,3 ha nằm ở phía Đông Nam thị trấn Ân Thi.

- Cầu đường bộ: Nâng cấp các cầu hiện trạng theo các tuyến giao thông trong khu vực theo các chương trình dự án đã được hoạch định theo các khu vực hoặc theo mạng lưới của tỉnh.

10. Quy hoạch san nền, thoát nước mưa

a) Quy hoạch san nền

- Lựa chọn cao độ khống chế san nền hài hòa với cao độ nền hiện trạng đã xây dựng ổn định, đảm bảo thoát nước nhanh, tránh gây ngập úng cục bộ cho khu vực xung quanh. Cao độ khống chế cho toàn vùng: $H_{xd} \geq 3,2m$. Hướng thoát ra các sông, kênh tiêu trong khu vực.

- Khu vực đô thị và nông thôn

+ Khu vực đô thị Ân Thi : Cao độ san nền khống chế $\geq +3,2m$, cao độ nền xây dựng $\geq +3,5m$. Hướng dốc ra sông Bắc Hưng Hải, sông Sậy.

+ Khu vực đô thị mới Tân Phúc : Cao độ san nền khống chế $\geq +3,2m$, cao độ nền xây dựng $\geq +3,5m$. Hướng dốc ra sông Bình Trì và sông Cửu An.

+ Khu vực đô thị mới Hồng Quang : Cao độ san nền khống chế $\geq +3,2m$, cao độ nền xây dựng $\geq +3,5m$. Hướng dốc ra sông Cửu An.

+ Khu vực đô thị mới Phù Ủng : Cao độ san nền khống chế $\geq +3,2m$, cao độ nền xây dựng $\geq +3,5m$. Hướng dốc ra sông Bình Trì và sông Cửu An.

+ Khu vực dân cư nông thôn : Cao độ san nền không chế $\geq +3,2\text{m}$, cao độ nền xây dựng $\geq +3,5\text{m}$, tại các khu vực dân cư hiện trạng có cốt nền $< 3,0\text{m}$ tiến hành tôn nền cao độ tối thiểu đạt cote không chế : $+3,0\text{m}$. Hướng san lấp dốc về các sông, kênh tiêu nước trong khu vực.

- Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Cao độ san nền không chế $\geq +3,2\text{m}$, cao độ nền xây dựng $\geq +3,7\text{m}$.

b) Hệ thống thoát nước mưa

- Lưu vực thoát nước

+ Lưu vực 1: Phía Bắc đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, bao gồm các xã: Phù Ủng, Bãi Sậy, Bắc Sơn và một phần xã Đào Dương, Tân Phúc, Vân Du, Quang Vinh thuộc về phía Nam thuộc tiểu khu Bắc Kim Sơn. Nước mưa tại lưu vực này được thoát ra sông Bắc Hưng Hải, sông Chanh và các kênh tiêu Bắc Sơn, Bãi Sậy....

+ Lưu vực 2: Phía Đông - Nam đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và phía Đông đường ĐT.376, bao gồm các xã: Hoàng Hoa Thám, Văn Nhuệ, và một phần các xã: Tân Phúc, Đào Dương, Vân Du, Quang Vinh, thị trấn Ân Thi, Nguyễn Trãi, Hồng Vân, Hạ Lễ thuộc tiểu khu vực Tây Nam Cửu An. Nước mưa khu vực này thoát ra sông Cửu An và các kênh tiêu chính của các trạm bơm thủy lợi.

+ Lưu vực 3: Phía Tây - Nam đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và phía Tây đường ĐT.376, bao gồm các xã: Xuân Trúc, Quảng Lãng, Đặng Lê, và một phần các xã: Hồng Vân, Nguyễn Trãi, thị trấn Ân Thi, Quang Vinh, thuộc về tiểu vùng Ân Thi. Nước mưa lưu vực này được thoát ra sông Bắc Hưng Hải, sông Điện Biên, và các kênh Tiêu chính của các trạm bơm.

+ Lưu vực 4: Phía Nam huyện Ân Thi, bao gồm các xã Hồ Tùng Mậu, Đa Lộc, Tiền Phong, Hồng Vân, Hạ Lễ, Hồng Quang. Nước mưa lưu vực này được thoát ra sông Cửu Yên và các kênh tiêu chính của các trạm bơm.

- Phương án quy hoạch:

+ Đối với khu vực đô thị Ân Thi: Nâng cấp cải tạo hệ thống thoát nước mưa hiện có. Tại các khu vực chưa có hệ thống thoát nước, xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng.

+ Đối với 3 khu đô thị mới Tân Phúc, Phù Ủng và Hồng Quang: Kiến nghị đầu tư xây dựng mới hệ thống thoát nước mưa.

+ Đối với các khu công nghiệp: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng, nước mưa tại các khu công nghiệp phải được dẫn về trạm xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung toàn khu vực hoặc xả ra môi trường.

+ Đối với khu vực nông thôn: Nước mưa được thoát theo hình thức chảy tràn, chảy trực tiếp ra hệ thống sông ngòi, kênh rạch.

11. Quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước toàn khu vực đến năm 2030 là: 25.535 m³/ngđ dự báo đến năm 2050 là: 38.353 m³/ngđ.

- Nguồn nước cấp cho huyện Ân Thi được lấy từ:

+ Nhà máy nước Hồng Quang công suất đến năm 2030: 5.000m³/ng.đ; công suất đến năm 2050: 10.000m³/ng.đ.

+ Nhà máy nước Tân Trào công suất đến năm 2030: 5.000 m³/ng.đ; công suất đến năm 2050: 15.000 m³/ng.đ.

+ Nhà máy nước Ân Thi công suất đến năm 2030: 15.000 m³/ng.đ; công suất đến năm 2050: 34.000 m³/ng.đ.

+ Nhà máy nước Ngọc Tuấn công suất đến năm 2030: 20.000 m³/ng.đ; công suất đến năm 2050: 20.000 m³/ng.đ.

+ Nhà máy nước Tân Việt công suất đến năm 2030: 15.000 m³/ng.đ; công suất đến năm 2050: 20.000 m³/ng.đ.

12. Định hướng cấp điện

- Tổng nhu cầu dùng điện cho toàn khu vực đến năm 2030 là 49,14MVA, định hướng đến năm 2050 là 119,49MVA.

- Nguồn điện cung cấp cho huyện Ân Thi được lấy từ hệ thống điện Quốc gia thông qua các đường dây 220kV, 110kV và trạm biến áp 220kVA, 110kVA .

- Giai đoạn 1 đến năm 2030: Trạm 110kv Lý Thường Kiệt công suất 3x63KVA; Trạm 110kv Kim Động công suất 2x63KVA; Nâng cấp công suất TBAQH-110KVA KCN số 6 thuộc KCN đô thị dịch vụ Lý Thường Kiệt từ 30MVA lên 75MVA; Điều chỉnh công suất giai đoạn 1 TBAQH-110kv Ân Thi 1x63MVA; Trạm QH 220kV Ân Thi 2 công suất 1x63MVA; TBA QH110kV Bãi Sậy công suất 1x63MVA.

- Giai đoạn 2 đến năm 2050: Giữ nguyên quy mô và công suất các trạm Trạm 110kv Lý Thường Kiệt, Trạm 110kv Kim Động, trạm TBAQH-110kVA Ân Thi, TBA QH2 220kV Ân Thi 2; Nâng cấp công suất giai đoạn 2 TBAQH-110kv KCN số 6 thuộc KCN đô thị dịch vụ Lý Thường Kiệt 75MVA lên 115MVA; Nâng cấp công suất Trạm QH110kV Bãi Sậy lên thành 2x63MVA.

13. Quy hoạch thoát nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang

a) Thoát nước thải

- Tổng lượng nước thải phát sinh trong khu vực quy hoạch đến năm 2030 khoảng 16.604m³/ngđ, đến năm 2050 khoảng 22.853m³/ngđ.

- Các khu vực thoát nước thải:

+ Khu vực đô thị: Các khu vực phát triển mới chưa có hệ thống thoát nước, sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn, xử lý nước thải tập trung đảm bảo tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường.

+ Khu vực dân cư nông thôn hiện hữu: Trước mắt sử dụng hệ thống thoát nước chung. Nước thải xử lý qua bể tự hoại cục bộ và tận dụng khả năng làm sạch của hệ thống ao hồ tự nhiên. Sau này từng bước cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng.

+ Khu vực công nghiệp: Xử lý cục bộ trong nhà máy để làm sạch nước thải, sau đó thu gom đến trạm xử lý riêng, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường.

+ Khu vực du lịch: Thu gom và xử lý nước thải phân tán, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường.

b) Chất thải rắn (CTR)

- Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt cần thu gom và xử lý đến năm 2030 khoảng 130 tấn/ngđ; đến năm 2050 khoảng 190 tấn/ngđ. Lượng chất thải công nghiệp được tính toán với quy mô 0,3 tấn/ha đất công nghiệp.

- Đối với CTR sinh hoạt: Rác thải sinh hoạt được thu gom về các điểm tập trung bố trí tại các xã, đô thị sau đó sẽ đưa về khu xử lý chất thải rắn tập trung toàn huyện tại khu vực xã Đào Dương với quy mô khoảng 14 ha

- Đối với CTR công nghiệp: phải được xử lý sơ bộ theo quy định về quản lý CTR công nghiệp trước khi vận chuyển về khu xử lý tập trung.

c) Nghĩa trang

Tiếp tục sử dụng các nghĩa trang tập trung đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường tại các xã, thị trấn đã được phê duyệt quy hoạch. Các nghĩa trang hiện có không đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường phải dừng các hoạt động táng, trồng cây xanh cách ly đảm bảo cảnh quan. Khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng. Xây dựng 01 nghĩa trang tập trung tại khu vực xã Hồ Tùng Mậu với quy mô khoảng 35 ha.

14. Hệ thống thông tin liên lạc

Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng mạng viễn thông có công nghệ hiện đại, độ phủ rộng khắp với thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao. Phát triển mạng lưới bưu chính rộng khắp trên địa bàn huyện, tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ bưu chính, nâng cao chất lượng phục vụ, từng bước áp dụng công nghệ mới và kỹ thuật hiện đại.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Ân Thi có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ân Thi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng quy định để các tổ chức, cá nhân biết thực hiện.

- Tổ chức lập hồ sơ cấm mốc giới và triển khai cấm mốc giới theo quy định hiện hành.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan quản lý xây dựng trong phạm vi vùng quy hoạch đã được duyệt. Trong quá trình thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện, UBND huyện Ân Thi chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để đề xuất điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp độ quy hoạch theo quy định hiện hành.

- Triển khai thực hiện đồ án quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch và phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan trong quá trình đầu tư xây dựng theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nội vụ, Công thương; Giám đốc Công ty Điện lực Hưng Yên; Chủ tịch UBND huyện Ân Thi và thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Thế Cử

Bùi Thế Cử